

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/ 2021/ DS - ST

Ngày: 25 – 10 – 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diện

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Phương Thanh;  
2. Ông Hồ Minh Hùng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1977;  
Địa chỉ: số 210/12 Nguyễn Văn Lâu, khóm 5, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

- *Bị đơn:*

1/ chị Kim Thị T, sinh năm 1987

2/ anh Võ Tấn L, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: số 96B/8 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị với chị T và anh L là bạn bè, làm chung công ty với nhau. Vào tháng 4/2020 chị có cho chị T và anh L vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn 03 tháng đến

ngày 15/7/2020 sẽ trả đủ. Sau khi nhận tiền chị T nghỉ làm công ty rồi cố tình né tránh không cho chị gặp mặt.

Đến hạn chị T và anh L không trả tiền cho chị như đã hứa, chị có gọi điện cho chị T và anh L nhiều lần nhưng vợ chồng chị T cứ hứa hẹn mà không trả, chị có khởi kiện chị T và anh L ra tòa án và được Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý vụ án số 255/2020/TLST-DS ngày 02/12/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh L có đề nghị chị rút đơn, cam kết trả lại số tiền trên cho chị nên chị rút lại đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đình chỉ giải quyết vụ án bằng quyết định số 16/2021/QĐST-DS ngày 22/01/2021.

Sau khi chị rút đơn khởi kiện thì chị T, anh L có trả cho chị được 4.000.000đ thì ngưng không trả được cho đến nay dù cho chị nhắc nhở nhiều lần nhưng vợ chồng chị T cố tình không trả lại số tiền nợ còn lại cho chị.

Nay chị khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc chị T và anh L có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị số tiền còn nợ là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), chị không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn nộp cho tòa án giấy chứng cho mượn tiền ngày 15/4/2020 có chữ ký của chị T

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng chị T và anh L vắng mặt nhiều không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn, không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, chị Kim Thị T và anh Võ Tấn L vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị S yêu cầu chị Kim Thị T và anh Võ Tấn L trả số tiền còn nợ 16.000.000đ. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chị Kim Thị T và anh Võ Tấn L có địa chỉ số 96B/8 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Kim Thị T và anh Võ Tấn L vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S

Xét việc chị S cho chị T vay tiền có làm biên nhận (giấy chứng cho mượn tiền ngày 15/4/2020 có chữ ký của chị T) thể hiện chị S có cho chị T vay số tiền 15.000.000đ, đến ngày 17/4/2020 chị T có vay tiếp 5.000.000đ, tổng cộng 20.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc chị S cho chị T vay số tiền 20.000.000đ là sự thật. Theo đơn xin xác nhận nơi cư trú chị T còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên vào thời điểm vay tiền, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Việc chị S thừa nhận sau khi rút đơn được Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đình chỉ vào ngày 22/01/2021 thì phía chị T có trả cho chị được 4.000.000đ. Xét việc thừa nhận của chị S là có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận. Do đó, chị S yêu cầu chị T trả số tiền 16.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với anh Võ Tấn L tuy vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, căn cứ lời trình bày của chị S xác định: giấy chứng cho mượn tiền ngày 15/4/2020 là do vợ chồng chị T, anh L viết sẵn ở nhà nên chị không xác định chữ ký có phải của anh L hay không. Khi vào công ty chị T ký trước mặt chị. Chị khẳng định việc cho chị T mượn tiền, anh L biết rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh L và anh L cũng không có ý kiến phản đối về tiền nợ chị S.

Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: ***“Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng***

***1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.***

***2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”***

Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh L cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị S là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Kim Thị T và anh Võ Tấn L phải chịu phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 16.000.000đ = 800.000đ. Hoàn trả cho chị S tiền tạm ứng án phí đã nộp

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

### **1. Về nội dung:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S

Buộc chị Kim Thị T và anh Võ Tấn L có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền còn nợ tổng cộng là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1/ Buộc chị Kim Thị T và anh Võ Tấn L nộp 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

2.2/ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị S 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006573 ngày 23/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Diện**